

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 277/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc “Xin ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn B**; sinh năm 1971. Địa chỉ: **Số nhà C đường L, Tổ dân phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.**

Bị đơn: Bà **Vũ Thị Hiền H**; sinh năm 1978. Địa chỉ: **Số nhà C đường L, Tổ dân phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông **Phạm Văn B** và bà **Vũ Thị Hiền H**.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông **Phạm Văn B** và bà **Vũ Thị Hiền H** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho ông **Phạm Văn B** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là **Phạm Nguyên V**, sinh ngày 14/01/2006. Bà **Vũ Thị Hiền H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng kể từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi con **Phạm Nguyên V** có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Quyền thăm nom con, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, quyền yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con của các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Ông **Phạm Văn B** chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004099, ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh (đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành ns dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận: THẨM PHÁN**

- Đương sự;
- VKSND huyện Di Linh;
- UBND xã Lộc Châu, thành phố Bảo Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Đoàn Thị Vui**

Mẫu số 40-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP  
ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....<sup>(1)</sup>**      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Số:...../...../QĐST-HNGĐ**      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
....., ngày..... tháng..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý  
số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng....năm....., giữa<sup>(2)</sup>:

.....  
.....  
.....  
.....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành  
ngày.....tháng.....năm .....

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày.... tháng..... năm ..... là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận

đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa <sup>(3)</sup>

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:<sup>(4)</sup>

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### ***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

### **THẨM PHÁN**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

### **Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:**

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).